TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày 31/10/2018
"Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bảo;
2. Bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 02/5/2018 về việc "*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-DS ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Đội 4, xóm N, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: Đội 4, xóm N, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, theo văn bản uỷ quyền ngày 01/02/2018. Có mặt.

* *Bị đơn*: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 2, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: Đội 4, xóm N, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Đội 4, xóm N, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Vào ngày 04 tháng 11 năm 2017 bà Trần Thị T1 có đơn gửi Công an xã B, huyện T, tỉnh Bình Định tố cáo rằng vào ngày 28/10/2017 tại huyện K, tỉnh Gia

Lai, anh Nguyễn Minh T đã lấy cắp xe môtô biển số 81G1 – 06654 của bà T1. Tuy nhiên vào thời điểm bà T1 tố cáo cũng như vào thời điểm ngày 28/10/2017 thì anh T đang lái xe thuê tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, anh T không biết bà T1 là ai, gia đình anh T đã giải thích cho bà T1 rõ là anh T chưa bao giờ làm việc tại huyện K, anh T nặng 74kg còn người lấy xe của bà T1 chỉ khoảng 54kg và có đưa hình ảnh của anh T để bà T1 xem nhưng bà T1 vẫn khẳng định người trong hình chính là người đã lấy xe của bà T1. Sau này Công an huyện K đã điều tra ban đầu và xác định người lấy xe của bà T1 không phải là anh T nên sau đó bà T1 có về địa phương nơi anh T sinh sống là tại thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định để công khai xin lỗi nhưng đến nay bà T1 vẫn chưa bồi thường thiệt hại cho anh T. Việc bà T1 tố cáo anh T trộm cắp tài sản đã làm cho anh T hoang mang, lo lắng, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của anh T nên anh T yêu cầu bà T1 phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 28.210.000đ. Cụ thể các khoản như sau:

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T bằng 10 lần mức lương cơ sở tương ứng số tiền 13.000.000đ.

- Do đơn tố cáo của bà T1 nên anh T đã 02 lần về làm việc với Công an mất 02 ngày, trong đó 01 ngày đi từ huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về huyện T, tỉnh Bình Định và 01 ngày đi từ huyện Đ về Công an huyện K, tỉnh Gia Lai. Do vậy anh T yêu cầu bồi thường tiền công lao động của anh T 02 ngày là 1.000.000đ/ngày x 2 ngày = 2.000.000đ và tiền thuê xe ôtô trong 02 lần tổng cộng là 10.000.000đ.

- Vào ngày 11/12/2017 anh T đã chở ông Trần Văn M, ông Nguyễn Thanh B, ông Phạm Ngọc A, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị T đi đến Công an huyện K để làm việc. Nên anh yêu cầu chi trả tiền công 7 người (bao gồm cả anh T) và tiền ăn trưa là (200.000đ/người/ngày + 30.000đ/suất cơm) x 7 người = 1.610.000đ.

- Do anh T đi làm xa nên để chứng minh việc anh T không thực hiện hành vi trộm cắp cha mẹ anh T là ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị T đã nhiều lần đến Công an để làm việc. Trong đó có 02 ngày đến Công an xã B và 02 ngày đến Công an huyện K. Do vậy anh yêu cầu phải bồi thường tiền công lao động của ông P, bà T trong 04 ngày là 200.000đ/ngày x 4 ngày x 2 người= 1.600.000đ.

Trong quá trình làm việc anh có thay đổi nội dung yêu cầu, anh T tách phần yêu cầu đối với số tiền của ông P và bà T là 1.600.000đ để ông P bà T yêu cầu riêng, tuy nhiên tại phiên toà anh T đề nghị nhập chung tiền công lao động của ông P, bà T vào tổng số tiền mà anh có yêu cầu như trong đơn khởi kiện. Tổng cộng số tiền anh yêu cầu là 28.210.000đ, nhưng nếu tại phiên tòa bà T1 đồng ý thỏa thuận thì anh T chỉ yêu cầu bà T1 phải bồi thường số tiền 20.000.000đ, nếu bà T1 không đồng ý thỏa thuận thì anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu, buộc bà T1 phải bồi thường số tiền 28.210.000đ.

Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên toà của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị T trình bày: Ông P bà T là cha mẹ của anh T, để chứng minh việc anh T không thực hiện hành vi trộm cắp ông bà đã đến Công an xã B và Công an huyện K để làm việc như anh T trình bày. Ông bà cũng yêu cầu bà T1 phải bồi thường tiền công lao động với số tiền 1.600.000đ, số tiền này được bồi thường chung trong tổng số tiền anh T yêu cầu chứ ông P, bà T không có yêu cầu độc lập.

Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa của bị đơn chị Trần Thị T1 thể hiện:

Vào tháng 10/2017 chị Trần Thị T1 có thuê anh Trần Duy P (tên gọi khác là Trọng) làm thuê cho mình, chị T1 có giao cho anh P một chiếc xe môtô biển số 81G1-06654 để làm phương tiện chở nước cho công nhân và chở vật liệu xây dựng. Đến ngày 28/10/2017 anh P đã lấy xe của chị T1 đi nói là đi lấy tiền nợ sau đó không quay về mà dùng xe làm phương tiện cá nhân sau đó bán lấy tiền tiêu xài. Chị nhiều lần điện thoại cho P nói chuyện về việc trả xe, sau đó P cắt điện thoại nên chị T1 không liên lạc được. Do khi đi làm thì chị T1 vẫn gọi P là T và chị được biết T ở huyện T, tỉnh Bình Định nên chị đã đến huyện T, tỉnh Bình Định để tìm hiểu và được biết anh Nguyễn Minh T sinh năm 1987; địa chỉ: Đội 4, xóm N, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cũng đi làm thuê. Chị T1 nghĩ Nguyễn Minh Tchính là Trọng làm thuê cho chị nên đã làm đơn tố giác gửi Công an xã B. Khi chị T1 đến xã B, huyện T, tỉnh Bình Định gia đình anh T cũng nói với chị là anh T không đi làm thuê ở huyện Kmà đi lái xe thuê ở tỉnh Lâm Đồng, gia đình anh T cũng có đưa hình của anh T cho chị xem, nhưng do nhìn không rõ nên chị vẫn khẳng định với Công anh Nguyễn Minh T chính là người đã lấy xe của chị. Sau này Công an huyện K đã làm việc và biết được anh Nguyễn Minh T không phải là người đã chiếm đoạt xe của chị mà chính là Trần Duy P. Do vậy chị đã đến xã B để xin lỗi và xin được bồi thường 5.000.000đ nhưng gia đình anh T không đồng ý mà yêu cầu chị phải bồi thường số tiền 10.000.000đ nên thoả thuận không thành. Đối với yêu cầu của anh T về việc bồi thường số tiền 28.210.000đ thì chị không đồng ý. Chị T1 thừa nhận mình đã sai khi tố giác không đúng và làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của anh T. Tuy nhiên số tiền yêu cầu bồi thường là quá cao, vượt quá khả năng chi trả của chị, chiếc xe mà chị bị mất cũng chỉ có giá là 4.700.000đ. Do vậy chị T1 chỉ chấp nhận bồi thường cho anh T với số tiền là 10.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, buộc chị Trần Thị T1 phải bồi thường cho anh T các khoản sau: Bồi thường tổn thất về tinh thần từ 3 đến 5 lần mức lương cơ sở vào thời điểm tháng 11/2017; tiền cơm và tiền xe cho 04 người làm chứng gồm ông A, ông M, ông H và ông B với số tiền là 1.040.000đ; tiền xe đi lại của anh T theo giá vé xe khách với tổng số tiền là 1.500.000đ; tiền công lao động của anh T trong 02 ngày. Không chấp nhận đối với yêu cầu về tiền công của ông P, bà T vì Công an không triệu tập ông P, bà T đến làm việc. Buộc chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Minh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T yêu cầu bà Trần Thị T1, địa chỉ: Tổ 2, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Do các bên không có yêu cầu nên theo quy định tại khoản 2 Điều của 184 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do sự việc xảy ra sau ngày 01/01/2017 nên pháp luật về nội dung được áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trần Duy P là người đã chiếm đoạt xe môtô biển số 81G1-06654 của chị T1 và cũng chính là người làm thuê cho chị T1, chị T1 biết rõ khuôn mặt, biết số điện thoại liên lạc của Phương. Mặc dù gia đình anh Nguyễn Minh T đã cho xem hình ảnh của anh T, giải thích với chị T1 nhiều lần nhưng chị T1 vẫn khẳng định anh Nguyễn Minh T chính là Nguyễn Duy P, là người đã chiếm đoạt xe mô tô 81G1-06654 của chị nên chị đã tố giác anh T. Việc tố giác sai sự thật của chị T1 tuy là không cố ý nhưng đã làm cho anh T hoang mang, lo lắng, làm thiệt hại đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của anh T. Chị T1 có đủ năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 586 Bộ luật Dân sự. Việc anh T yêu cầu chị T1 phải bồi thường là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[4] Về số tiền bồi thường: Anh T yêu cầu bồi thường các khoản gồm: Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 13.000.000đ; chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại gồm: Chi phí cho những người làm chứng 1.610.000đ, chi phí cho cha mẹ anh T khi đến Công an làm việc 1.600.000đ, chi phí tiền xe đi lại 10.000.000đ; thu nhập thực tế của anh T bị mất 2.000.000đ. Tổng cộng là 28.210.000đ. Xét các yêu cầu của anh T thì thấy rằng:

[5] Đối với yêu cầu bù đắp tổn thất về tinh thần của anh T là phù hợp theo quy định tại khoảng 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên anh T yêu cầu bồi thường 13.000.000đ, bằng 10 lần mức lương cơ sở, là mức tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, thời điểm chị T1 có đơn tố giác anh T chiếm đoạt tài sản là ngày 04/11/2017, đến ngày 21/12/2017 do biết mình tố giác nhầm nên chị T1 đã công khai xin lỗi tại Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, thời gian từ lúc tố giác đến lúc xin lỗi là 01 tháng 18 ngày. Việc chị T1 tố giác, anh T chỉ về làm việc 01 lần tại Công an xã B vào ngày 04/12/2017 và 01 lần tại Công an huyện K vào ngày 11/12/2017. Sự việc tố giác anh T của chị T1 chỉ nằm trong phạm vi tại Công an xã B và Công an huyện K. Anh T vẫn tiếp tục công việc lái xe thuê tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy đánh giá mức độ tổn thất về tinh thần đối với yêu cầu bồi thường của anh T ở mức tối đa theo quy định khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự là không phù hợp. Xét thấy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh T ở mức 3 lần mức lương cơ sở vào thời điểm tháng 11 năm 2017 là 1.300.000đ x 3 = 3.900.000đ.

[6] Đối với yêu cầu bồi thường về chi phí để hạn chế, khắc phục thiệt hại, anh T yêu cầu các khoản gồm: Chi phí cho cha mẹ anh T khi đến Công an làm việc, chi phí cho những người làm chứng và chi phí tiền xe đi lại. Các yêu cầu của anh T là

phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 592 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên cần xem xét đến mức bồi thường bảo đảm phù hợp với chi phí thực tế và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tiền xe đi lại, anh T cho rằng trong ngày 04/12/2017 và ngày 11/12/2017 đã thuê xe ôtô của chị Nguyễn Thị Thanh T2, ở Liên Khương, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với tổng số tiền của 02 lần thuê là 10.000.000đ, đồng thời anh có cung cấp giấy xác nhận có nội dung nêu trên của chị T2. Tuy nhiên anh T đã không cung cấp theo yêu cầu của Toà án về chứng thực chữ ký của UBND cấp xã nơi chị T2 cư trú đối với giấy xác nhận mà anh giao nộp nên giấy xác nhận này không được xem là chứng cứ để xem xét đối với yêu cầu của anh T. Do vậy chỉ chấp nhận chi phí đi lại của anh T theo giá vé xe khách hai chiều đi từ huyện Đ về huyện T và từ huyện Đ đến huyện K. Cụ thể: Giá vé từ huyện Đ về huyện T được tính tổng giá vé đi từ huyện Đ đến thành phố Đà Lạt là 50.000đ, từ thành phố Đà Lạt đến thành phố Quy Nhơn là 220.000đ, từ thành phố Quy Nhơn đến huyện T là 50.000đ, tổng cộng chi phí tiền xe đi lại từ huyện Đ về huyện T và ngược lại là (50.000đ + 220.000đ + 50.000đ) x 2 = 640.000đ. Giá vé từ huyện Đ đến huyện Kđược tính bằng tổng giá vé đi từ huyện Đ đến huyện T là 320.000đ, từ huyện T đến thị xã A là 85.000đ và từ thị xã A đến huyện Klà 30.000đ, tổng cộng chi phí tiền xe đi lại từ huyện Đ đến huyện Kvà ngược lại là (320.000đ + 85.000đ + 30.000đ) x 2 = 870.000đ. Như vậy yêu cầu về chi phí tiền xe đi lại của anh T trong các ngày 04/12/2017 và 11/12/2017 được xem xét chấp nhận là 640.000đ + 870.000đ = 1.510.000đ.

[8] Về chi phí cho ông P và bà T, theo biên bản xác minh tại Công an huyện K vào ngày 28/8/2018 và Công an xã B vào ngày 05/9/2018 thì anh Nguyễn Minh T đã trên 18 tuổi và sự việc không liên quan đến ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị T nên họ không triệu tập ông P, bà T và thực tế cũng không làm việc với ông P, bà T về sự việc tố giác của chị T1 đối với anh T. Tuy nhiên xét ông P, bà T là cha mẹ của anh T, do thời điểm chị T1 tố giác thì anh T đang ở tỉnh Lâm Đồng nên ông P, bà T đến các cơ quan chức năng để cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chị T1 tố giác anh T không đúng là phù hợp với thực tế. Tuy nhiên thời gian tính thu nhập thực tế bị mất của ông P bà T là 04 ngày mà anh T yêu cầu là không có căn cứ. Biên bản xác minh tại Công an xã B và các tài liệu, chứng cứ do Công an xã B cung cấp thể hiện vào ngày 21/12/2017 ông P, bà T có đến xã để giải quyết việc chị T1 xin lỗi và thoả thuận về bồi thường, thời gian giải quyết từ 15 giờ 35 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 21/12/2017, ngoài ra ông P cũng có tự đến xã để hỏi về sự việc liên quan đến việc tố giác của chị T1 đối với anh T. Biên bản xác minh tại Công an huyện K và các tài liệu, chứng cứ do Công an huyện K cung cấp thì không có tài liệu nào thể hiện nội dung Công an huyện K có làm việc với ông P, bà T, tuy nhiên Công an K xác định có 02 lần ông P đến hỏi sự việc liên quan đến anh T, sau khi nghe giải thích thì ông P đi về. Do vậy thời gian tính thu nhập thực tế bị mất của ông P, bà T được chấp nhận là 02 ngày, tương ứng với số tiền là 200.000đ/ngày x 02 ngày x 02 người = 800.000đ.

[8] Về chi phí cho những người làm chứng, anh T cho rằng vào ngày 11/12/2017 anh T đã chở ông Trần Văn M, ông Nguyễn Thanh B, ông Phạm Ngọc A, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị T đi đến Công an huyện K để làm việc. Nên anh yêu cầu chi trả tiền công lao động cho 7 người (gồm 6 người

làm chứng và anh T) và tiền ăn trưa là (200.000đ/người/ngày + 30.000đ/suất cơm) x 7 người = 1.610.000đ. Tuy nhiên quá trình làm việc và các tài liệu, chứng cứ do Công an huyện K cung cấp thì vào ngày 11/12/2017 họ chỉ làm việc với ông M, ông B, ông A và ông H, Công an huyện K không yêu cầu và thực tế cũng không làm việc với ông P và bà T. Vì những người này do anh T tự đưa đến nên Công an không chi trả tiền người làm chứng cho họ theo quy định của pháp luật. Tại các biên bản lấy lời khai những người làm chứng ông B, ông A và ông H vào ngày 05/9/2018 thể hiện vào ngày 11/12/2017 họ đã cùng anh T đến Công an huyện K để chứng minh việc anh T không chiếm đoạt xe của chị T1. Nhưng vì là có quan hệ quen biết, họ hàng với anh T nên họ không có yêu cầu và thực tế anh T cũng không chi trả tiền công lao động cho họ là 200.000đ/ngày như anh T trình bày, anh T chỉ trả tiền ăn trưa cho họ. Do vậy chỉ có thể chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh T đối với chi phí về tiền xe đi từ huyện T đến huyện K và tiền ăn cho 04 người (ông M, ông B, ông A và ông H). Cụ thể tiền xe cho 04 người là (85.000đ + 30.000đ) x 2 x 4 người = 920.000đ; tiền ăn trưa là 30.000đ x 4 người = 120.000đ. Tổng cộng là 1.040.000đ.

[9] Đối với yêu cầu bồi thường về thu nhập thực tế bị mất của anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự. Về mức bồi thường, anh T yêu cầu mức bồi thường là 1.000.000đ/ngày đồng thời anh có cung cấp giấy xác nhận của anh Trần Hải N, địa chỉ ở 08 Trần Nhân Tông, Tổ 12, xã Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xác nhận anh T làm việc cho anh N và thu nhập một ngày là 1.000.000đ. Tuy anh T đã không cung cấp theo yêu cầu của Toà án về chứng thực chữ ký của UBND cấp xã nơi anh N cư trú đối với giấy xác nhận mà anh giao nộp nhưng mức tiền công 1.000.000đ/ngày đối với tài xế lái xe đường dài là phù hợp nên cần chấp nhận. Anh T đã làm việc tại Công an 02 ngày nên chấp nhận mức yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất của anh T là 1.000.000đ/ngày x 2 = 2.000.000đ.

[10] Như vậy tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín của anh Nguyễn Minh T được xem xét chấp nhận là 3.900.000đ + 1.510.000đ + 1.040.000đ + 2.000.000đ + 800.000đ = 9.250.000đ. Tại phiên tòa chị Trần Thị T1 tự nguyện chấp nhận bồi thường cho anh T 10.000.000đ nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T1, buộc chị T1 bồi thường cho anh Nguyễn Minh T số tiền 10.000.000đ.

Số tiền yêu cầu của anh T không được chấp nhận là 28.210.000đ – 10.000.000đ = 18.210.000đ.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị đơn chị Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là 10.000.000đ x 5% = 500.000đ.

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, cụ thể như sau:

Buộc chị Trần Thị T1 phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho anh Nguyễn Minh T với số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T với số tiền là 18.210.000đ *(mười tám triệu, hai trăm mười nghìn đồng).*

Về án phí: Chị Trần Thị T1 phải chịu 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (31/10/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo